

Số: **1386**/QĐ-UBND

Sơn La, ngày **30** tháng **8** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật Ngân sách nhà nước hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 286/TTr-STC ngày 08/8/2022, ý kiến thống nhất của các đồng chí thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La".

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La có trách nhiệm quản lý và triển khai cho các Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vay vốn theo đúng quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La, Ngân hàng Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- NHCSXH Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, TH);
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, TH, Cường.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1386~~ /QĐ-UBND ngày 30/8/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (gồm Ngân sách cấp tỉnh và Ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm Ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, thành phố) ủy thác qua chi nhánh NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện hàng năm còn lại sau quyết toán để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác, sau khi đã trừ đi các khoản phải trích phân bổ theo quy định.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Sở Tài Chính là cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh);

2. Cấp huyện, thành phố: UBND các huyện, thành phố ủy quyền cho cơ quan chuyên môn là Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện, bộ phận tín dụng thành phố (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện, thành phố).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn

1. Tháng 7 hằng năm, căn cứ vào mục tiêu giảm nghèo và tạo việc làm của tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với các sở, ngành có liên quan chủ động rà soát xác định nhu cầu nguồn vốn, xây dựng kế hoạch vốn vay trên địa bàn gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước (*Đối với ngân sách cấp huyện, thành phố tương ứng là các cơ quan: Phòng Tài chính kế hoạch và phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thành phố*).

2. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 5. Cơ chế cho vay

1. Đối tượng cho vay: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Điều kiện để được vay vốn: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ.

3. Mục đích sử dụng vốn vay: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ.

4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có): Thực hiện quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

- Thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Do Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính và quy định của NHCSXH. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, được chia theo tỷ lệ:

- Chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp: Tối đa bằng 3% số tiền lãi thu được.

- Chi cho hoạt động kiểm tra, giám sát, công tác khen thưởng: Tối đa bằng 7% số tiền lãi thu được.

- Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng giao cho NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện quản lý và thực hiện chi tiêu theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Trường hợp lãi suất cho vay không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan thì UBND các cấp phải cấp kinh phí bù đắp theo đúng quy định.

Điều 7. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động -Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, huyện báo cáo UBND cấp tỉnh, huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, định kỳ 6 tháng được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Điều 9. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch): chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp:

- Bố trí và chuyển vốn từ ngân sách ủy thác cho NHCSXH theo quy định.

- Thẩm định hồ sơ vay vốn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro theo đề nghị của NHCSXH, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (đối với nguồn vốn của ngân sách cấp tỉnh) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố xem xét, quyết định (đối với nguồn vốn của ngân sách cấp huyện, thành phố).

- Thẩm định, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro khác theo quy định tại khoản 1, Điều 7 quy chế này.

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản thỏa thuận và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

- Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Định kỳ hàng năm báo cáo UBND cấp tỉnh, huyện, thành phố về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố chuyển qua NHCSXH trước ngày 10/01 của năm sau.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH huyện, thành phố thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

5. UBND xã, phường, thị trấn

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

- Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

- Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn...; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi...

6. Trách nhiệm của người vay

- Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

- Hoàn trả số tiền gốc, lãi đúng quy định;

- Tham gia thực hành tiền gửi tiết kiệm thông qua Tổ tiết kiệm & vay vốn đúng theo quy ước hoạt động của Tổ TK&VV.

Điều 11. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phải sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La, các cơ quan, có trách nhiệm báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp đề trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu